

Số: /KH-UBND

Đại Nài, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác dân số - Truyền thông năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác Dân số - Truyền thông năm 2025. Ủy ban nhân dân phường Đại Nài xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác dân số - Truyền thông năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển; Coi công tác dân số và phát triển là nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền, toàn hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân; đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển bền vững.

Giảm mức sinh, giảm tỷ số giới tính khi sinh; đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng dân số như sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

2.1. Chỉ tiêu cơ bản

- Mức giảm sinh:
 - + Giảm tỷ suất sinh thô 0,3‰.
 - + Giảm tỷ lệ sinh trên 2 con: 2,5%
- Giảm tỷ số giới tính khi sinh: 0,1 điểm %.
- Tổng tỷ suất sinh: 2,1 con/phụ nữ.

2.2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ (vợ 15-49 tuổi) sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại 85%.

- Số người mới sử dụng BPTT hiện đại: 329 người trong đó: Dụng cụ tử 48 người (miễn phí: 48 người); Thuốc cấy tránh thai: 01 người (miễn Phí: 01 người); Thuốc tiêm tránh thai: 19 người (miễn phí: 0 người); Thuốc uống tránh thai: 25 người (miễn phí: 25 người); Bao cao su: 236 người (miễn phí: 0 người).

- Số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh: 42 số bà mẹ mang thai; Số trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh: 13 số trẻ sinh sống trong năm.

- Tăng thêm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn 8%.

- Tăng thêm tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm 15%.

II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Trạm Y tế tham mưu cho Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển, trình UBND cùng cấp ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành để tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác dân số đã được UBND thành phố phê duyệt, Trung tâm Y tế hướng dẫn bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

Tham mưu Cấp ủy, Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí ngân sách theo Nghị quyết 221/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030.

Tham mưu UBND cùng cấp ban hành các hướng dẫn, văn bản chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hướng dẫn thực hiện.

2. Thực hiện các Chương trình, đề án

2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Triển khai các hoạt động theo Kế hoạch số 363/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung và phường Đại Nài nói riêng, trong đó tập trung nỗ lực, tạo chuyển biến rõ nét ở những địa phương có tỷ số giới tính khi sinh cao.

a) Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Tiếp tục đưa các nội dung Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào Chương trình giáo dục cho học sinh các trường phổ thông (THCS, THPT); Chương trình đào tạo, hoạt động định hướng cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường (đại học, cao đẳng); Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trong trường chính trị, hành chính; vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật về nghiêm cấm các hình thức lựa chọn giới tính thai nhi theo kế hoạch của Sở Y tế.

b) Thực hiện tốt công tác truyền thông, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội về công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

c) Triển khai các hoạt động khuyến khích nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội (tổ chức hội nghị biểu dương trẻ

em gái chăm ngoan học giỏi, các cặp vợ chồng sinh con một bề là gái không sinh con thứ 3, làm ăn kinh tế giỏi, gia đình văn hóa).

d) Tổ chức các lớp tập huấn về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh cho cán bộ cốt cán của tổ dân phố.

2.2. Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng

a) Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, không sinh con thứ ba trở lên, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt.

- Tuyên truyền về lợi ích của việc sinh ít con hơn. Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh con thứ ba trở lên.

- Đối tượng chủ yếu: các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Khẩu hiệu: “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”.

b) Bảo đảm cung cấp BPTT hiện đại cho tất cả người dân có nhu cầu tránh thai đang cư trú trên địa bàn phường Đại Nài, bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; người đơn thân; vị thành niên, thanh niên; người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn.

- Danh mục phương tiện tránh thai miễn phí gồm: Dụng cụ tử cung, thuốc uống tránh thai, thuốc cấy tránh thai; Nguồn phương tiện tránh thai miễn phí do ngân sách Trung ương đảm bảo theo biểu đính kèm công văn này. Ngân sách triển khai các nội dung khác của Chương trình theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Thủ tục cấp phát phương tiện tránh thai miễn phí: Thực hiện theo quy định hiện hành. Trạm Y tế lập danh sách đối tượng dự kiến được cấp miễn phí PTTT hiện đại năm 2024; hướng dẫn cộng tác viên dân số rà soát, bổ sung danh sách và tổ chức cấp phát PTTT cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng BPTT trên địa bàn quản lý. Đặc biệt chú ý bổ sung danh sách người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn. Danh sách cấp phát PTTT miễn phí do Trạm trưởng Trạm Y tế hoặc Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

c) Tổ chức chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGD/SKSS).

- Căn cứ chỉ tiêu số người mới áp dụng BPTT hiện đại được giao, Trạm Y tế xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí trình UBND cùng cấp phê duyệt.

2.3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD, ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng mức sinh cao.

b) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa; đối tượng khó tiếp cận; địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế.

c) Xây dựng và triển khai các nội dung hoạt động của Đề án Tăng cường Tư vấn và cung ứng dịch vụ KHHGD cho vị thành niên, thanh niên trong tình hình mới nhằm giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, cải thiện sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên.

d) Triển khai tiếp thị xã hội các PTTT và hoạt động của Đề án 818 để tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa dịch vụ KHHGD/SKSS theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

e) Lồng ghép, phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ.

f) Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của Chương trình tại địa phương:

(1) Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

- Đối tượng: Cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Tần suất: Theo nhu cầu khách hàng hoặc theo lịch hẹn của nhân viên y tế.

- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(2) Đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung

- Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi), có nhu cầu.

- Tần suất: 4,5 năm/lần.

- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT.

(3) Tiêm thuốc tránh thai

- Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT

(4) Cây thuốc tránh thai

- Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu.

- Tần suất: 3,5 năm/lần.

- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT.

(5) Bao cao su

- Đối tượng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ và có nhu cầu sử dụng.
- Tần suất: hàng tháng theo nhu cầu của khách hàng.
- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT

(6) Viên uống tránh thai

- Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) có nhu cầu.
- Tần suất: hàng tháng theo nhu cầu của khách hàng.
- Nội dung: Thực hiện theo nội dung chuyên môn tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT.

2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

Triển khai các hoạt động Chương trình 1999 (Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030) theo Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các nội dung quy định tại Nghị quyết số 221/2020/NQ-HĐND:

a) Tổ chức truyền thông, vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

b) Đưa các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong các hoạt động của câu lạc bộ tiền hôn nhân, trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa phổ thông tại các trường THPT.

c) Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm triển khai các gói dịch vụ cơ bản sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế:

- Danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản:

- + Hội chứng Edward.
- + Hội chứng Down.
- + Hội chứng Patau.
- + Bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia

- Danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản:

- + Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh.

- + Bệnh thiếu men G6PD.
- + Tăng sản thượng thận bẩm sinh.
- + Khiếm thính bẩm sinh.
- + Bệnh tim bẩm sinh.

e) Quản lý, chăm sóc trường hợp nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1807/QĐ-BYT, ngày 21/04/2020 của Bộ Y tế.

f) Đối với các chỉ tiêu sàng lọc sơ sinh miễn phí:

- Đối tượng ưu tiên miễn phí sàng lọc sơ sinh: Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn. Đề nghị Trạm Y tế lập danh sách, phối hợp tổ chức triển khai.

- Chi phí kỹ thuật dịch vụ, hóa chất, giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao thực hiện xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh sẽ được trung ương cấp qua Trung tâm sàng lọc khu vực.

+ Chi phí lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh: 7.000 đồng/mẫu.

+ Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành;

+ Chi tổ chức nói chuyện chuyên đề cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên y tế phường, cộng tác viên và nhân viên y tế thôn bản.

h) Thống kê, tổng hợp báo cáo các đối tượng đã thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn tại công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục DS-KHHGĐ; Công văn số 4200/SYT-NVY ngày 13/12/2022 của Sở Y tế hướng dẫn quản lý đối tượng được miễn phí thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định tại Quyết định 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2.5. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Triển khai các hoạt động theo Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Phối hợp với các ban, ngành và các địa phương triển khai thực hiện tốt các chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ cốt cán tổ dân phố, cộng tác viên dân số và tình nguyện viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tổ dân phố.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi tại Trạm Y tế đạt chỉ tiêu tăng 15% số người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe tại trạm y tế so với năm 2023.

- Tổ chức các giải bóng chuyền hơi dành cho người cao tuổi và các hoạt động khác như: khám bệnh, cấp thuốc miễn phí; thăm hỏi, tặng quà cho người cao tuổi nhằm hưởng ứng "Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam năm 2023".

2.6. Truyền thông dân số

Tiếp tục triển khai Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 573/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 573) và kế hoạch thực hiện của Bộ Y tế.

2.6.1. Truyền thông toàn phường và các tổ dân phố:

a) Hoạt động truyền thông thường xuyên và tăng cường

Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn trực tiếp dành cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, nam giới, vị thành niên/thanh niên (VTN/TN), NCT tại các địa bàn đang triển khai thực hiện các Đề án: Tăng cường tư vấn cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe NCT...

Tổ chức truyền thông trên địa bàn xã nhân Ngày Thalassemia thế giới, Ngày Dân số Thế giới 11/7; Ngày Quốc tế NCT 1/10; truyền thông can thiệp giảm thiểu MCBGTKS và hưởng ứng ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10 và kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Dân số Việt Nam nhân Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12...

Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho các nhóm đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và phụ nữ mang thai, VTN/TN, nam giới chủ hộ gia đình, NCT, người có uy tín trong cộng đồng.

Tích cực quảng bá, tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai, KHHGD.

Định kỳ, hàng tuần đưa các thông tin về dân số và phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của phường và ở các tổ dân phố.

Triển khai các đề án nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, mô hình chăm sóc sức khỏe cho NCT thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Trung tâm Y tế.

b) Tuyên truyền, vận động tại các tổ dân phố trọng điểm

Triển khai chiến dịch "Tăng cường truyền thông vận động lòng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS": Tăng cường phát trên hệ thống truyền thanh, các trang mạng xã hội và trên hệ thống phát thanh phường, tất cả các hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc truyền thông trước, trong và sau chiến dịch nhằm huy động các tầng lớp nhân dân và tạo ra một khí thế sôi nổi tại địa bàn.

Huy động các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền trên đài truyền thanh phường, treo khẩu hiệu, áp phích, băng rôn; cung cấp các sản phẩm truyền thông như tờ rơi về các gói dịch vụ trong chiến dịch.

Đẩy mạnh triển khai cuộc vận động “Mỗi cặp vợ chồng dừng ở hai con để nuôi dạy cho tốt” thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức đúng đắn về mức sinh cao tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế, an sinh xã hội, lao động việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy con tốt.

Tuyên truyền, vận động thường xuyên và liên tục các đối tượng tại gia đình, cộng đồng đã sinh đủ hai con thì không sinh thêm.

Bên cạnh các nội dung ưu tiên và truyền thông tại các tổ dân phố trọng điểm, Trạm Y tế phải đảm bảo công tác truyền thông thường xuyên về chăm sóc SKSS, thực hiện KHHGĐ, bình đẳng giới trong KHHGĐ, nâng cao chất lượng dân số; ở những tổ dân phố có hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh cần truyền thông mạnh mẽ về vấn đề này để góp phần giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

c) Truyền thông nhân các ngày kỷ niệm, các sự kiện

Tổ chức nói chuyện và tuyên truyền, tư vấn cộng đồng về DS-KHHGĐ; treo băng cờ, khẩu hiệu, diễu hành... nhân Ngày Thalassemia thế giới, Ngày Dân số thế giới 11/7; truyền thông kiểm soát MCBGTKS và hưởng ứng Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10; Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1/10; Ngày Dân số Việt Nam (26/12) và Tháng hành động quốc gia về Dân số.

2.7. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số

a) Về tổ chức bộ máy:

- Bố trí đủ số lượng viên chức làm công tác dân số tại phường theo vị trí việc làm đã được phê duyệt; kiện toàn đội ngũ công tác viên tại các tổ dân phố để đáp ứng nhiệm vụ được giao.

b) Về công tác đào tạo bồi dưỡng:

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ viên chức làm công tác dân số theo yêu cầu, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ DS-KHHGĐ để trang bị kiến thức, kỹ năng cho công tác viên dân số đảm bảo 100% công tác viên dân số thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

2.8. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ. Hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số. Cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của mọi cơ quan, tổ chức.

- Triển khai Thông tư số 01/2022/TT-BYT của Bộ Y tế về Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Tổng kết công tác đôi Sổ A0 theo các công văn hướng dẫn của Tổng cục và Chi cục DS-KHHGD tỉnh.

2.9. Thực hiện chính sách khuyến khích - thi đua khen thưởng

Trạm Y tế tham mưu UBND cùng cấp triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả chính sách khuyến khích, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong công tác dân số và phát triển đã được quy định tại Nghị quyết 221/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

III. KINH PHÍ

Trạm Y tế tham mưu UBND xã, phường bố trí ngân sách cho công tác dân số và phát triển, tối thiểu bằng 0,15% tổng chi ngân sách thường xuyên cho công tác dân số và phát triển tại Nghị quyết 221/2020/NQ-HĐND nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác dân số, kế hoạch háo gia đình năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Đại Nài./.

Nơi nhận:

- TTYT thành phố;
- UBND thành phố
- Phòng Y tế;
- UBND phường (báo cáo);
- Các CTVDS tổ dân phố;
- Lưu: VT.CT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

